TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2018/HSST
Ngày: 31/5/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BP.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Châu Anh Kiệt.
2. Ông Nguyễn Đăng Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lường Văn Tình – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh BP.

***- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Hồng Toản - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh BP, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 34/2018/HSST ngày 21/03/2018, đối với các bị cáo:

1. **Lưu Văn T**; Sinh ngày 18/9/1999, tại tỉnh Đ.

HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh BP.

Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn Thắng, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1976. Tiền sự: Ngày 10/8/2015, bị Tòa án nhân dân huyện B ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng về hành vi "Trộm cắp tài sản"; Tiền án: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/11/2017 đến nay. (Có mặt).

2. **Gì Khoa Kiến Đ**; Sinh ngày 12/5/1997, tại tỉnh Đ

HKTT: Thôn 6, xã B, huyện B, tỉnh BP.

Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Gì Chánh B (chết) và bà Lâm Thị D, sinh năm 1963. Tiền sự, Tiền án: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/11/2017 đến nay. (Có mặt).

**** Người bị hại:***

1) Chị Nguyễn Thị Ngọc T; Sinh năm 1994. (Vắng mặt).

HKTT: Thôn 3, xã N, huyện B, tỉnh BP.

Cư trú: Thôn Pb, xã Pt, huyện Pr, tỉnh BP.

2) Chị Vũ Thị Th; Sinh năm 1980. (Vắng mặt).

HKTT: Tổ 7, thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh BP.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:* Anh Lưu Văn Đ, sinh năm 1996. (Vắng mặt).

HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh BP.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 02/11/2017, Lưu Văn T rủ Gì Khoa Kiến Đ dùng xe mô tô đi chiếm đoạt tài sản của người đi đường để lấy tiền tiêu xài thì Đ đồng ý. Trước khi đi, T tháo biển số xe Mô tô 93L1 – 302.55 ra và gắn biển số giả 48K1- 047.81 vào xe, sau đó điều khiển chở Gì Khoa Kiến Đ đi từ hướng xã Đ, huyện B ra Quốc lộ 14 đến thị xã Đx. Khi đến khu vực thôn 3, xã N, huyện B thì thấy chị Nguyễn Thị Ngọc T đang điều khiển xe Mô tô biển số 93P1- 458.91 đi ngược chiều để 01 giỏ xách ở trên gác ba ga. T liền điều khiển vòng xe quay lại chạy theo phía sau xe của chị T, khi đến ngã ba hướng vào Chùa Trúc Lâm, bị cáo liền điều khiển xe vượt lên phía bên trái của xe chị T, Đ ngồi sau xe dùng tay phải giật giỏ xách rồi điều khiển xe chở Đ đến bến đò Pt thuộc xã Pt, huyện Pr. Sau khi bị giật giỏ xách, chị T tri hô và đến Công an xã N trình báo sự việc. Công an xã N đã T hành phối hợp với Công an xã Pt cùng với người dân truy đuổi bắt giữ được T, Đ cùng tang vật là 01 giỏ xách của chị T bên trong có 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng mặt đá; 01 thỏi son màu đỏ; 01 thỏi son màu đen; 01 USB màu trắng và 01 kính đeo mắt màu tím.

Quá trình điều tra T và Đ còn khai nhận: Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 01/11/2017, T rủ Đ dùng xe mô tô đi chiếm đoạt tài sản của người khác thì Đ đồng ý. T điều khiển xe Mô tô biển số 93L1 – 302.55 chở Gì Khoa T Đ đi từ xã Đ, huyện B ra hướng Quốc lộ 14 hướng đến Đx. Khi đến khu vực cầu "Pan toong" thuộc thôn 8, xã Đ, huyện B thì thấy chị Vũ Thị Th đang điều khiển xe Mô tô biển số: 93L1- 260.98 đi từ hướng xã Đ Liễu, huyện B về hướng thị xã Đx, tỉnh BP để 01 ví da trong giỏ phía dưới bên trái đầu xe. T điều khiển xe chạy từ phía sau lên ngang xe chị Th, Đ ngồi sau dùng tay phải giật ví da trên xe của chị Th. Rồi T điều khiển xe chở Đ đi đến khu vực rẫy điều thuộc thôn 1, xã Đ Liễu, huyện B dừng lại kiểm tra bên trong có 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Vũ Thị Th. T lấy thẻ ATM rồi đưa Đ vứt bỏ giỏ xách và giấy tờ khác. T điều khiển xe chở Đ đi đến ngân hàng Agibank thuộc xã BB, huyện B, rồi cầm thẻ vào trụ ATM rút tiền nhưng không được. Sau đó, T điều khiển xe chở Đ đến tiệm Internet chơi game còn T đi về nhà vứt thẻ ATM vào sọt rác.

Tại các Kết luận định giá tài sản số: 110, 111/KL-ĐG ngày 23/11/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện B xác định: 01 nhẫn Tr sức bằng vàng 18k, có mặt bằng hạt đá có giá trị 800.000đ, 01 thỏi son môi có giá trị 140.000đ, 01 thỏi son môi có giá trị 104.000đ, 01 mắt kính gọng màu tím có giá

trị 60.000đ, 01 USB có giá trị 80.000đ, 01 giỏ xách có giá trị 80.000đ; 01 ví da có giá trị 1.040.000đ. Tổng giá trị là: 2.304.000đ.

Về vật chứng vụ án: 01 chiếc nhẫn Tr sức bằng vàng 18k, có mặt bằng hạt đá; 02 thỏi son; 01 USB; 01 mắt kính gọng màu tím, 01 giỏ xách. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị Ngọc T; 01 ví da; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Vũ Thị Th. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Vũ Thị Th; Đối với 01 thẻ ngân hàng ATM mang tên Vũ Thị Th Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã xác minh, truy tìm nhưng không thu hồi được; Đối với xe Môtô nhãn hiệu Yamaha, Exciter, biển kiểm soát: 93L1 – 302.55 quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Lưu Văn Đ; Đối với 01 biển số xe mô tô 48K1- 047.81 chưa xác minh được nguồn gốc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B tách ra để tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Người bị hại Nguyễn Thị Ngọc T và Vũ Thị Th đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu về vấn đề bồi thường dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 31/CTr –VKS ngày 20/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo Lưu Văn T và Gì Khoa Kiến Đ về "Tội cướp giật tài sản" theo điểm d Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, nên giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm "Tội cướp giật tài sản"; Về hình phạt đề nghị áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 136; điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Lưu Văn T và bị cáo Gì Khoa Kiến Đ từ 03 đến 04 năm tù; buộc các bị cáo nộp án phí theo quy định.

Các bị cáo Lưu Văn T và Gì Khoa Kiến Đ thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, trình bày bổ sung ban đầu các bị cáo chỉ có mục đích đi trộm cắp tài sản, nhưng khi thấy các bị hại sơ hở nên giật tài sản bỏ chạy để chiếm đoạt; Ngoài ra, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với Đ diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về

hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong các ngày 01 và 02/11/2017 các bị cáo đã thực hiện 02 vụ cướp giật tài sản trên địa bàn xã Đ Liễu và N, huyện B tỉnh BP, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Trưa ngày 01/11/2017, T rủ Đ đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài, Đ đồng ý; T chở Đ lưu thông từ thôn 6, xã B ra Quốc lộ 14 nhằm mục đích gặp ai sơ hở thì lấy tài sản, khi đến khu vực cầu "Pan toong" thuộc thôn 8, xã Đ Liễu, huyện B phát hiện chị Vũ Thị Th đang điều khiển xe mô tô có để 01 ví da trong giỏ phía dưới bên trái đầu xe. Nghĩ trong ví da có tiền nên T nói với Đ "Ví da kìa" rồi điều khiển xe lên ngang xe chị Th, Đ ngồi sau dùng tay phải giật ví da trên xe của chị Th rồi tăng ga điều khiển xe chở Đ chạy đến khu vực rẫy điều thuộc thôn 1, xã Đ, huyện B dừng lại kiểm tra giỏ xách vừa cướp được. Do trong giỏ không có tiền mà chỉ có một số giấy tờ, T giữ lại thẻ ATM còn đưa cho Đ vứt bỏ 01 giấy chứng minh thư, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe của chị Th. T điều khiển xe chở Đ đến trụ ATM thuộc Ngân hàng Agibank tại xã BB, huyện B, để rút tiền nhưng không biết mã số thẻ nên không rút được. Sau đó, T điều khiển xe chở Đ đến tiệm Internet chơi game còn T đi về nhà vứt thẻ ATM vào sọt rác.

Vụ thứ hai: Buổi sáng ngày 02/11/2017, T tiếp tục đến nhà rủ Đ đi trộm cắp tài sản, Đ đồng ý; T điều khiển xe mô tô chở Đ lưu thông từ thôn 6, xã BB ra Quốc lộ 14 nhằm mục đích gặp ai sơ hở thì lấy tài sản. Khi đến khu vực thôn 3, xã N, huyện B thấy chị Nguyễn Thị Ngọc T đang điều khiển xe mô tô đi ngược chiều để 01 giỏ xách ở trên gác ba ga. Thấy vậy, T điều khiển vòng xe lại chạy theo phía sau xe của chị T, khi đến đoạn đường ngã ba hướng vào Chùa Trúc Lâm, T điều khiển xe vượt lên phía bên trái của xe chị T, Đ ngồi sau xe dùng tay phải giật giỏ xách rồi tăng ga bỏ chạy đến bến đò Pt thuộc xã Pt, huyện Pr thì bị Công an xã N phối hợp với Công an xã Pt và người dân bắt giữ cả hai cùng tang vật là 01 giỏ xách, 01 nhẫn bằng kim bằng vàng mặt đá; 01 thỏi son màu đỏ; 01 thỏi son màu đen; 01 USB màu trắng và 01 kính đeo mắt màu tím.

Hành vi của các bị cáo đã phạm "Tội cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Các bị cáo phạm tội có có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhưng vì lười lao động muốn có tiền tiêu xài nên đã phạm tôi; Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt của các bị hại tuy không lớn nhưng hành vi phạm tội của bị cáo rất táo bạo, liều lĩnh; sử dụng xe gắn máy phân khối lớn lưu thông trên đường làm phương tiện phạm tội là thủ đoạn nguy hiểm; Các bị cáo còn thay biển số giả vào xe mô tô trước khi phạm tội để tránh bị phát hiện nhằm che dấu hành vi phạm tội, thể hiện sự tinh vi của các bị cáo khi phạm tội.

Trong vụ án bị cáo Lưu Văn T giữ vai trò chính vừa là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Đ tham gia đồng thời trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội; Trước đó, ngày 10/8/2015 bị cáo đã bị Tòa án áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng

thời hạn 24 tháng về hành vi "Trộm cắp tài sản" mới hết thời hạn trong thời gian ngắn lại tiếp tục phạm tội thể hiện bị cáo coi thường pháp luật và có nhân thân xấu nên bị cáo phải chịu mức hình phạt nặng hơn bị cáo Đ.

Bị cáo Đ là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi đã phạm tội đã gây ra.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội nhiều lần thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sư quy định tại điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, nên xem xét giảm nhẹ một phần cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Không có ai yêu cầu, nên không đề cập.

[6] Về vật chứng vụ án: Đối với các vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện B đã trả cho các chủ sở hữu hợp pháp và tách ra xử lý sau đối với vật chứng không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm xử lý vụ án của Đ diện Viện kiển sát tham gia phiên tòa là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d Khoản 2 Điều 136; điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Lưu Văn T và Gì Khoa Kiến Đ phạm "Tội cướp giật tài sản".

Xử phạt bị cáo Lưu Văn T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/11/2017.

Xử phạt bị cáo Gì Khoa Kiến Đ 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/11/2017.

Buộc các bị cáo Lưu Văn T và Gì Khoa Kiến Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh BP;
- Sở tư pháp tỉnh BP;
- Công an tỉnh BP;
- VKSND tỉnh BP;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Công an huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nguyễn Văn Huệ